TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Ông Dương Quốc Phòng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi H, sinh năm 1974.

Căn cước số: 044074010649 do Bộ Công an cấp ngày 21/02/2025

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cần báo: Số nhà 22, ngõ 01 Lê Hồng Phong, Tổ dân phố 03 Đ, phường Đ, tỉnh Q; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị T, sinh năm 1970.

Căn cước công dân số: 044170006256 do Bộ Công an cấp ngày 14/6/2021

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cần báo tin: Số 22, ngõ 01 Lê Hồng Phong, Tổ dân phố 03 Đ, phường Đ, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 13 tháng 3 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Hà Thị T kết hôn tự nguyên, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Q) vào ngày 16 tháng 7 năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2010 do ông Hoàng phải thường xuyên đi làm ăn xa nhà thời gian dài, vợ chồng tính tình không hòa hợp, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Nguyên nhân một phần do tính chất công việc, vợ chồng sống xa nhau quá lâu nhưng chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày giữa hai người có nhiều vấn đề bất đồng, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ. Vợ chồng thiếu niềm tin cả về tình cảm lẫn kinh tế, mỗi lần gặp nhau thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết xung đột, khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả dẫn đến sống ly thân nhiều năm nay. Hiện tại ông Hoàng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân thực tế không còn tồn tại và không còn khả năng hàn gắn nên ông có yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Bùi Hà Hoàng Long, sinh ngày 21/01/1998 và Bùi Lê Hoàng Ngọc, sinh ngày 31/8/2005. Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên, ông Hoàng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2025, ông Bùi H trình bày ý kiến về nội dung liên quan đến Đơn tố cáo ông ngoại tình đề ngày 19/3/2025 do bà Hà Thị T gửi trực tiếp tại Toà án vào ngày 20/3/2025, có nội dung: *"... Tôi không đồng ý với toàn bộ nội dung đơn tố cáo của chị Thanh vì không có căn cứ. Việc chị Thanh cho rằng tôi có quan hệ vi phạm chế độ một vợ một chồng với cô Phạm Ngọc Tuyết nào đó là hoàn toàn không đúng sự thật. Và tôi không biết cô Tuyết là ai. Sự việc chị Thanh cho rằng tôi có con riêng là hoàn toàn bịa đặt cho tôi. Tôi đề nghị chị Thanh cung cấp toàn bộ tài liệu chứng cứ chứng minh. Trường hợp chị Thanh không chứng minh được việc vu khống, ảnh hưởng tư cách danh dự của tôi thì tôi đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của tôi vì mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được nữa, do vợ chồng không còn có sự tin tưởng, làm đơn tố cáo, xúc phạm, vu khống nhau".*

** Tại bản tự khai đề ngày 01/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Hà Thị T thống nhất như trình bày của ông Hoàng về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, bà Thanh trình bày do trong thời gian làm việc tại dự án MAG, ông Hoàng đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Ngày 01/4/2010, ông Hoàng bỏ việc và bỏ vợ con ở nhà để cùng với người phụ nữ mà ông có quan hệ tình cảm ra nước ngoài sinh sống và làm ăn. Đến năm 2016 thì bà Thanh phát hiện được ông Hoàng đã có con riêng và sống như vợ chồng với người phụ nữ này ở nước ngoài. Tháng 02/2025 ông Hoàng đưa con và người phụ nữ đó về Việt Nam và có yêu cầu ly hôn với bà Thanh.

Từ thời điểm ông Hoàng có con và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác ông Hoàng luôn có thái độ lạnh nhạt với bà Thanh, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, luôn tìm cách gây gỗ, coi thường và có những lời lẽ nhục mạ bà Thanh. Nay với yêu cầu ly hôn của ông Hoàng thì bà Thanh không đồng ý. Vì trong thời gian ông Hoàng bỏ mặc vợ con để sinh sống ở nước ngoài thì bà Thanh vẫn làm tròn nghĩa vụ dâu con với gia đình chồng, cải tạo, tu sửa nhà cửa là tài sản đứng tên bố chồng. Nay để đảm bảo quyền lợi cho mình thì bà Thanh yêu cầu ông Hoàng phải bồi thường cho bà một khoản tiền là 500.000.000 đồng thì bà sẽ đồng ý lý hôn.

- *Về con chung:* Thống nhất như nội dung ông Hoàng trình bày về con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Thanh trình bày trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Hoàng cùng 02 con đã chung sống trên đất của gia đình chồng. Trong thời gian 28 năm sống cùng gia đình chồng, vợ chồng bà đã có công sức đóng góp trong khối tài sản chung đứng tên bố chồng, như tôn tạo, sửa chữa, tu bổ nhà cửa…Vì vậy, nay ly hôn thì bà có yêu cầu ông Hoàng bồi thường cho bà số tiền 500.000.000 đồng.

Theo nội dung trình bày của bà Thanh tại Bản tự khai, ngày 23/5/2025, Tòa án đã có công văn số 26/2025/TAĐH yêu cầu bà Thanh có văn bản trình bày rõ ý kiến của mình đối với việc bà có yêu cầu Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong vụ án này hay không. Nếu có yêu cầu Toà án giải quyết thì đề nghị bà phải có "Đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân". Mặt khác, tại công văn nêu trên, Toà án đã yêu cầu bà Thanh phải trình bày rõ công sức đóng góp của bà Thanh vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; yêu cầu ghi rõ tổng giá trị tài sản chung, nợ chung mà bà Thanh yêu cầu Toà án giải quyết. Văn bản trên được xác định đã được tống đạt hợp lệ cho bà Hà Thị T. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi của bà Thanh.

Vì nguyên đơn là ông Bùi H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là bà Hà Thị T không đồng ý ly hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Bùi H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Hà Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Q phát biểu ý kiến

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ việc nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là từ bỏ các quyền nghĩa vụ của mình, không tuân thủ quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 28, 35, 39, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi H, x ử cho ông Bùi H được ly hôn bà Hà Thị T.

+ Về con chung: Không xem xét.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Ông Bùi H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Bùi H có yêu cầu khởi kiện về ly hôn với bà Hà Thị T. Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hà Thị T có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Q nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Q.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Bùi H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Hà Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại các điểm a, b Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Bùi H và bà Hà Thị T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 7 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Q). Xét việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng và bà Thanh là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cả ông Hoàng và bà Thanh đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, hiện không còn tình cảm dành cho nhau vì giữa hai người có quá nhiều mâu thuẩn, xung đột cả về tình cảm lẫn kinh tế. Bà Thanh cho rằng ông Hoàng đã phụ bạc vợ con, sống không chung thủy, có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác dẫn đến có con riêng, làm cho xung đột vợ chồng gia tăng nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc này. Bà Thanh yêu cầu ông Hoàng bồi thường cho bà số tiền 500 triệu đồng thì bà sẽ đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hoàng và bà Thanh có quá trình tìm hiểu, yêu thương, kết hôn và chung sống cùng nhau. Lẽ ra sau khi kết hôn, có con chung thì vợ, chồng đều phải có trách nhiệm vun vén tổ ấm, sắp xếp công việc, hoàn cảnh để tạo lập một cuộc sống gia đình hạnh phúc, hòa thuận, vợ chồng, con cái có điều kiện sống chung, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình của ông Hoàng, bà Thanh chỉ hòa thuận được thời gian đầu, sau đó thì phần lớn thời gian vợ chồng sống xa nhau. Trong thời gian này, do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, sẽ chia cùng nhau đã dẫn đến mâu thuẩn. Vợ chồng ít có thời gian sống chung cùng nhau, dẫn trở nên xa cách, lạnh nhạt về tình cảm, riêng tư về kinh tế.

Từ những phân tích trên và thực tế diễn biến mối quan hệ giữa ông Hoàng, bà Thanh trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Hoàng, bà Thanh hiện nay là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại trong thời gian quá dài, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau.

Việc bà Thanh cho rằng trong thời gian ông Hoàng đi làm ăn xa, bà đã làm tròn trách nhiệm trong việc chăm sóc bố chồng, trùng tu, tôn tạo tài sản là nhà, đất của gia đình chồng nên bà có yêu cầu ông Hoàng bồi thường cho bà số tiền

500.000.000 đồng thì bà sẽ đồng ý ly hôn. Yêu cầu này của bà Thanh cho thấy bà chỉ muốn ràng buộc trách nhiệm về vật chất của ông Hoàng đối với bà cho khoảng thời gian vợ chồng không sống cùng nhau vì bà cho rằng bà là người đã thay ông chăm sóc, vun vén gia đình chồng chứ không phải bà không đồng ý ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, mong muốn hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để buộc ông Hoàng phải tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà Thanh mà cần thiết chấp nhận cho ông Hoàng ly hôn là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại của hai người, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Bùi H và bà Hà Thị T thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Bùi Hà Hoàng Long, sinh ngày 21/01/1998 và Bùi Lê Hoàng Ngọc, sinh ngày 31/8/2005. Xét hiện tại các con chung của ông Hoàng và bà Thanh đã thành niên, ông, bà không có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn ông Bùi H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hà Thị T trình bày trong thời gian sống chung với gia đình chồng, vợ chồng bà có sự đóng góp trong khối tài sản chung của gia đình chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Trường hợp sau khi ly hôn, ông Hoàng và bà Thanh không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung được thì sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Bùi H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 51, 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi H đối với bị đơn bà Hà Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Bùi H được ly hôn bà Hà Thị T.

- Về quan hệ con chung: Xác định ông Bùi H và bà Hà Thị T có 02 người con chung, gồm: Bùi Hà Hoàng Long, sinh ngày 21/01/1998 và Bùi Lê Hoàng Ngọc, sinh ngày 31/8/2005. Hiện cả hai con chung đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Hoàng đã nộp theo biên lai số 0001712 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Xác định ông Hoàng đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VKSND, THADS Khu vực 1-QT;
- UBND, Công an phường Đ, tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VKSND, THADS Khu vực 1-QT;
- UBND, Công an phường Đ, tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh

Trần Xuân Văn Lê Thị Thuý Mai Mai Thị Mỹ Hạnh